

SỞ Y TẾ TP CẦN THƠ
BỆNH VIỆN TÂM THẦN

Số: 466./BVTT-KD CLS
V/v mời chào giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Cần Thơ, ngày 21 tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2024-2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Nguyễn Thị Thùy Trang, Phó trưởng Khoa Dược-Cận lâm sàng, điện thoại 0919 887 122

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc gửi thư đến địa chỉ: Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ (Khu vực Bình Hoà A, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ). Nội dung ghi ngoài bì thư ghi rõ báo giá Gói thầu Cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2024-2025.

- Nhận qua email: tochuyenmonbvtct@gmail.com nhận file mềm excel và bản scan. Tiêu đề ghi rõ báo giá Gói thầu Cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2024-2025.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2024 đến trước 16h ngày 30 tháng 11 năm 2024.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế cần báo giá:

(Theo phụ lục 1 đính kèm).

2. Mẫu báo giá:

(Theo phụ lục 2 đính kèm)

3. Các thông tin khác (nếu có). / .*Vinh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, KD-CLS.

GIÁM ĐỐC



BSCKII. Võ Cảnh Sinh

DANH MỤC HOÁ CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ XIN BÁO GIÁ

(Đính kèm công văn số: 466/BVTT-KD CLS ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ)

STT	DANH MỤC	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng dự kiến	Đơn vị tính
1	2		4	3
A	VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ (48 mặt hàng)			
1	Airway	Bằng nhựa Polyethylen màu trắng không độc hại. Chuôi khối cản mỗi size có màu riêng biệt.	53	Cái
2	Băng gạc vô trùng		700	Miếng
3	Băng keo cá nhân	Băng: Vải Viscose và polyamide co giãn, không thấm nước. Đệm thấm dịch: màu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính. Lớp keo : Oxide kẽm. Kích thước 60x18mm	14,900	Miếng
4	Băng keo cuộn (lụa)	Trọng lượng khối phù: 55 ± 10gsm. Dễ xé, không bị tura vải khi xé, dính tốt, không bị sót keo khi tháo băng.	300	Cuộn
5	Băng thun 3 móc	dùng để băng nén ép cầm máu, cố định khớp, giữ vật liệu cầm máu tại chỗ không bị xô dịch nhờ tính chất co giãn. Với chất liệu cotton, băng thun có độ bền cao và không gây cảm giác khó chịu cho vết thương. Kích thước 0.1mx ≥3m.	50	Cuộn
6	Bình hủy kim 1.5 lít	Bình hủy kim an toàn. Chất liệu: nhựa. Màu vàng	40	Cái
7	Bộ dây điện cực đo điện não đồ		30	Bộ
8	Bộ dây đo điện tim 6 cần		12	Bộ
9	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml/cc	Vật liệu đúc kim, nắp đậy đầu kim: là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế chất liệu làm thân kim tiêm: thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa.	100	Cái
10	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50ml/cc, loại cho ăn	Vật liệu đúc kim, nắp đậy đầu kim: là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế chất liệu làm thân kim tiêm: thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa.	30	Cái

11	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml/cc	Vật liệu dúc kim, nắp đậy đầu kim: là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế chất liệu làm thân kim tiêm: thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa.	15,500	Cái
12	Bông y tế thấm nước	Sản phẩm tiệt trùng, màu trắng, dạng tấm được ép thành khối hình hộp hoặc hình trụ	22	Kg
13	Đầu Col xanh	Có khóa hoặc không khóa, không bám dính. Kích thước: 500- 1000ul	4,000	Cái
14	Dây Garo	Chất liệu: Thun cotton. Đặc điểm: Dây có độ co giãn tốt, băng dính 2 đầu, miếng gài bền chắc. Có thể sử dụng lại nhiều lần	70	Sợi
15	Dây thở Oxy 2 nhánh người lớn	Chất liệu PVC mềm dẻo, không gây kích ứng, dài $\geq 2m$.	100	Sợi
16	Dây thở Oxy 2 nhánh người lớn có mask	Được làm từ chất liệu nhựa PVC được dùng trong y tế. Mask với dây đeo đàn hồi. Kẹp mũi điều chỉnh được. Dây dẫn dài $\geq 2m$.	50	Sợi
17	Dây truyền dịch kim thường	Chất liệu: nhựa y tế có độ trong suốt dễ quan sát, thành trong dây trơn nhẵn, đồng nhất, không chứa DEHP. Có bầu đếm giọt 20 giọt/ml. Có van lọc khí, màng lọc dịch, dây dài $\geq 150cm$. Có tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO.	1,000	Sợi
18	Đè lưới gỗ	Vô trùng	1,000	Cây
19	Đèn sưởi hồng ngoại		2	Cái
20	Đồng hồ oxy	Bao gồm: Đồng hồ dùng để đo áp lực hơi oxy, bình làm ẩm oxy và van điều chỉnh lưu lượng oxy.	10	Cái
21	Găng tay Không Tiệt Trùng	Size S,M	15,000	Đôi
22	Găng tay vô Trùng 7 1/2	Số 7	100	Đôi
23	Giấy đo điện tim 6 cần	Giấy điện tim 6 cần, có đường kẻ, kích thước 110mm x 140mm.	400	Xấp
24	Giấy in nhiệt 57*30	Khổ giấy xấp xỉ 57mm, dùng để in kết quả cho máy phân tích sinh hóa, huyết học, điện giải,...	50	Cuộn
25	Hộp phân liều thuốc 4 ngăn	Hộp chia thuốc hàng ngày, 4 ngăn	500	Cái
26	Kẹp tứ chi đo điện tim 6 cần	Dùng cho máy Điện tim, quy cách đóng gói 4 cái/ bộ	12	Bộ
27	Khẩu trang y tế	4 lớp kháng khuẩn, có giấy lọc, thanh nẹp mũi: bằng nhựa hoặc kim loại. Dây đeo có tính đàn hồi.	2,550	Cái

28	Kim chích máu mao mạch	Kim số 28G, Kim sử dụng được cho tất cả các loại bút lấy máu. Sử dụng được cho tất cả các máy đo đường huyết, các xét nghiệm khác. Tiện dụng, đơn giản, dễ sử dụng và không gây đau, Bằng thép không gỉ. Không độc hại, không có chất gây sốt. Sản phẩm vô trùng, dùng 1 lần.	3,000	Cây
29	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G20	<ul style="list-style-type: none"> Được làm từ nhựa y tế nên thành ống (catheter) mỏng và đủ độ cứng cũng như độ đàn hồi. Mũi kim thiết kế được cắt vát, sắc nhọn, giảm thiểu đau. Cánh có góc và rãnh giúp luồn dễ dàng và có định kim luôn trên người bệnh nhân. Nắp kim có mã màu giúp dễ phân biệt kích cỡ. Độc kim thiết kế để thao tác khi kim luồn. Buồng chứa máu trong suốt để quan sát giúp xác định chính xác vị trí catheter. Tiết trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt. 	500	Cây
30	Kim luồn tĩnh mạch an toàn G24	<ul style="list-style-type: none"> Được làm từ nhựa y tế nên thành ống (catheter) mỏng và đủ độ cứng cũng như độ đàn hồi. Mũi kim thiết kế được cắt vát, sắc nhọn, giảm thiểu đau. Cánh có góc và rãnh giúp luồn dễ dàng và có định kim luôn trên người bệnh nhân. Nắp kim có mã màu giúp dễ phân biệt kích cỡ. Độc kim thiết kế để thao tác khi kim luồn. Buồng chứa máu trong suốt để quan sát giúp xác định chính xác vị trí catheter. Tiết trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt. Đóng gói: 100 cái/hộp, 10 hộp/thùng. 	1,000	Cây
31	Kim sát bơm gel		20	Cái
32	Lọ nhựa đựng máu	Lọ bằng nhựa, đạt tiêu chuẩn ISO: 13485	5,000	Cái
33	Máy đo Huyết áp điện tử	Lọ đựng nước tiểu, lọ nhựa 50 ml ±5, màu trắng trong, nắp màu, có nhãn (chưa tiệt trùng)	6	Cái
34	Máy đo Huyết áp kế người lớn		11	Cái

35	Máy đo Huyết áp kể nhi		3	Cái
36	Mũ điện cực điện não đồ	Mũ vải đo điện não, mũ điện cực bơm gel	30	Cái
37	Nhiệt kế thủy ngân	Khoảng nhiệt độ: từ 35-42 độ C	36	Cái
38	Núm điện tim	Dùng cho máy điện tim, bộ 06 cái	12	Bộ
39	Ống đặt nội khí quản có bóng số 8	Được làm từ chất liệu PVC mềm, chịu nhiệt, chống gấp khúc đảm bảo tính linh hoạt của ống. Sản phẩm được tiệt trùng	12	Cái
40	Ống Heparin	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12 x 75mm) trung tính, nắp màu đen. Được sử dụng chất kháng đông heparin	8,000	Tube
41	Ống hút đàm số 14	Chất liệu làm bằng nhựa y tế, có độ bền, độ dẻo cao. Không gây độc hại, không gây kích ứng. Có van điều chỉnh. Đóng gói vô trùng từng cái.	22	Cái
42	Ống hút đàm số 16	Chất liệu làm bằng nhựa y tế, có độ bền, độ dẻo cao. Không gây độc hại, không gây kích ứng. Có van điều chỉnh. Đóng gói vô trùng từng cái.	22	Cái
43	Ống thông tiểu số 14	Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon, Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, Bóng cân đối có 2 nhánh. Đầy đủ các số.	102	Cái
44	Ống thông tiểu số 16	Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon, Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, Bóng cân đối có 2 nhánh. Đầy đủ các số.	102	Cái
45	Ống thông dạ dày có nắp, các số	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đủ các kích cỡ.	20	Cái
46	Tube EDTA K2	Ống nghiệm có chứa chất chống đông EDTA- K2 xanh dương	6,000	Tube
47	Túi lưu nước tiểu	Túi đựng nước tiểu tiệt trùng, dung tích $\geq 2000\text{mL}$, có van xả, có dây treo.	102	Cái
48	Xe lăn	Xe lăn gấp gọn thuận tiện cho việc đẩy người bệnh	3	Cái
B	HÓA CHẤT LỄ (13 mặt hàng)			

1	Amphetamin test	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Phát hiện khi vượt ngưỡng : + Amphetamine: 1000 ng/ml. Độ nhạy ≥ 99,8 %. Độ đặc hiệu ≥ 99,6 %	600	Test
2	Chloramin B	Sử dụng để diệt khuẩn bề mặt, xử lý nước. Trong chloramin B có 25% là clo hoạt tính	200	Kg
3	Cồn 70°	Độ tinh khiết 70% C ₂ H ₅ OH	570	Lit
4	Gel siêu âm	Dùng để siêu âm, gel màu trắng hoặc xanh	200	Lit
5	Morphin test	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml. Độ nhạy ≥ 99,8% Độ đặc hiệu ≥ 99,6%	600	Test
6	Nacl 0.9%	Dung dịch Sodium Chloride 0.9% hỗ trợ rửa vết thương	8	Chai (500 ml)
7	Nước cất 2 lần	Sản phẩm có chất lượng tốt, độ tinh khiết cao, không chứa tạp chất	4,320	Lít
8	Nước cất pha tiêm	Đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng từ Dược điển Việt Nam trở lên.	1,000	ml
9	Nước Javel	Sodium hypochloride NACLO 10%, sử dụng trong ngành công nghiệp, tẩy trắng vải sợi, tiệt trùng trong xử lý nước.	65	Lit
10	Oxy già	Nước Oxy già 3%	1,800	ml
11	Povidone Iodine	Povidin iod 10%	6	Chai (500ml)
12	Que thử đường huyết	Que thử đường huyết dùng cho máy thử đường huyết nhanh. Loại máu: mao mạch hoặc tĩnh mạch, tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	500	Que

13	Que thử nước tiểu 10 thông số	Các que thử nước tiểu được sử dụng để phát hiện định tính và bán định lượng 10 chỉ số: urobilinogen (URO), bilirubin (BIL), ketone (KET), leukocyte (LEU), nitrite (NIT), protein (PRO), blood (BLD), glucose (GLU), trọng lượng riêng (SG), pH trong nước tiểu người. Đạt tiêu chuẩn ISO.	3,700	Que
C	HÓA CHẤT NHÓM			
I	HÓA CHẤT NHÓM (MÁY CÓ SẴN TẠI ĐƠN VỊ MÁY SINH HÓA VÀ MÁY HUYẾT HỌC)			
I.1	XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG EBA 200i (18 mặt hàng)			
1	Chất hiệu chuẩn chung cho xét nghiệm sinh hóa Albumin, calcium, cholesterol, sắt	Chất hiệu chuẩn chung tương thích với máy sinh hóa tự động EBA 200i. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO.	84	ml
2	Hóa chất nội kiểm sinh hoá mức bình thường	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1;	50	ml
3	Hóa chất nội kiểm sinh hoá mức cao	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1;	50	ml
4	Hóa chất xét nghiệm Acid Uric	- Dùng xét nghiệm in vitro định lượng Acid Uric trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu người - Phương pháp đo màu lên men với Uricase/Peroxidase - Độ ổn định thuốc thử trên hệ thống ≥ 8 tuần	400	ml
5	Hóa chất xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT)	Định lượng nồng độ ALT (GPT) trong huyết thanh, huyết tương người. Hạn dùng: tối thiểu 12 tháng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO.	3,000	ml
6	Hóa chất xét nghiệm Aspartate Aminotransferase (AST)	Định lượng nồng độ AST (GOT) trong huyết thanh, huyết tương người. Hạn dùng: tối thiểu 12 tháng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO.	3,000	ml
7	Hóa chất xét nghiệm Calcium	Thuốc thử xét nghiệm calcium. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO.	400	ml
8	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	- Dùng xét nghiệm in vitro định lượng Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương người - Phương pháp đo màu sử dụng men - Độ ổn định thuốc thử trên hệ thống ≥ 4 tuần	1,000	ml
9	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	Định lượng nồng độ creatinin trong huyết thanh, huyết tương. Hạn dùng: tối thiểu 12 tháng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO.	4,000	ml

10	Hóa chất xét nghiệm Glucose	Định lượng nồng độ glucose trong huyết thanh, huyết tương người. Hạn dùng: tối thiểu 12 tháng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO.	3,000	ml
11	Hóa chất xét nghiệm HDL-Cholesterol trực tiếp	Thuốc thử xét nghiệm HDL Cholesterol. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO.	1,000	ml
12	Hóa chất xét nghiệm LDL-Cholesterol	Thuốc thử xét nghiệm LDL Cholesterol. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO.	1,000	ml
13	Hóa chất xét nghiệm Triglycerid	Định lượng nồng độ triglycerid trong máu. Hạn dùng: tối thiểu 12 tháng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO.	1,000	ml
14	Hóa chất xét nghiệm Urê Nitrogen	Định lượng Urea/BUN trong máu. Hạn dùng: tối thiểu 12 tháng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO.	3,000	ml
15	Dung dịch rửa máy hằng ngày máy sinh hóa	Được sử dụng để bảo trì hàng ngày và rửa máy đo đông máu. Đạt tiêu chuẩn ISO.	6,000	ml
16	Dung dịch rửa kim hằng ngày máy sinh hóa	Được sử dụng để bảo trì hàng ngày và rửa máy đo đông máu. Đạt tiêu chuẩn ISO.	4,000	ml
17	Bóng đèn sinh hóa	Bóng đèn dùng trên máy sinh hóa tự động	2	Cái
18	Cuvet phản ứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Công phản ứng dùng cho buồng rửa máy xét nghiệm sinh hóa. Tiêu chuẩn chất lượng ISO.	88	Cái
I.2 XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC 18 THÔNG SỐ CONVERGYS 500 (05 mặt hàng)				
1	Detergent		100,000	ml
2	Diluent		100,000	ml
3	Dung dịch rửa máy cleaner		3	Lít
4	Liquichek Hematology-16 Control Trilevel		4	Bộ
5	Lyser		30,000	ml
II HÓA CHẤT NHÓM (NHÀ THẦU LẬP ĐẠT MÁY SAU KHI TRÚNG THẦU)				
II.1 MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG (16 mặt hàng)				
1	Hóa chất xét nghiệm Acid uric	Hóa chất chứa hai thuốc thử R1 và R2. Dùng để xác định nồng độ của Acid Uric trong huyết thanh hoặc huyết tương Độ tuyến tính lên đến 1190 $\mu\text{mol/L}$ CV $\leq 4\%$; Giới hạn phát hiện 100 $\mu\text{mol/L}$	600	ml

THA
BỆ
TÂM

2	Hóa chất xét nghiệm Alanine Aminotransferase	Hóa chất chứa hai thuốc thử R1 và R2. Dùng để xác định hoạt độ của GPT trong huyết thanh và huyết tương; Độ tuyến tính lên đến 1000 U/L CV ≤ 5%; Giới hạn phát hiện 5 U/L - Tiêu chuẩn : ISO : 13485 : 2016	6,000	ml
3	Hóa chất xét nghiệm Aspartate Aminotransferase	Hóa chất chứa hai thuốc thử R1 và R2. Dùng để xác định hoạt độ của GOT trong huyết thanh và huyết tương; Độ tuyến tính lên đến 1000 U/L CV ≤ 5%; Giới hạn phát hiện 10 U/L - Tiêu chuẩn : ISO : 13485 : 2016	6,000	ml
4	Hóa chất xét nghiệm Calcium	Hóa chất chứa một thuốc thử R Dùng để xác định định lượng nồng độ canxi (Ca) trong mẫu người (huyết thanh hoặc huyết tương). Độ tuyến tính lên đến 4 mmol/L CV 3%, Giới hạn phát hiện 1 mmol/L	320	ml
5	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	Hóa chất chứa hai thuốc thử R1 và R2. Dùng để xác định định lượng của Cholesterol trong huyết thanh Độ tuyến tính lên đến 20.0 mmol/L CV ≤ 3%; Giới hạn phát hiện 1 mmol/L	4,800	ml
6	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	Hóa chất chứa hai thuốc thử R1 và R2. Dùng để xác định định lượng của Creatinine enzymatic trong huyết thanh, nước tiểu và huyết tương. Độ tuyến tính lên đến 2000 μmol/L CV ≤ 3%; Giới hạn phát hiện 20 μmol/L	9,000	ml
7	Hóa chất xét nghiệm Glucose	Hóa chất chứa hai thuốc thử R1 và R2. Dùng để xác định định lượng glucose trong mẫu người (huyết thanh hoặc huyết tương). Độ tuyến tính lên đến 40 mmol/L, CV ≤ 5%; Giới hạn phát hiện 2 mmol/L,	6,000	ml

8	Hóa chất xét nghiệm HDL-Cholesterol trực tiếp	Hóa chất chứa hai thuốc thử R1 và R2. Dùng để xác định định lượng HDL-Cholesterol Độ tuyến tính lên đến 4.00 mmol/L CV 4%, Giới hạn phát hiện 0.20 mmol/L	4,800	ml
9	Hóa chất nội kiểm sinh hoá mức bình thường	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1;	240	ml
10	Hóa chất nội kiểm sinh hoá mức cao	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2;	240	ml
11	Chất hiệu chuẩn chung cho xét nghiệm sinh hóa Albumin, calcium, cholesterol, sắt	Hiệu thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	121	ml
12	Hóa chất xét nghiệm LDL-Cholesterol	Hóa chất chứa hai thuốc thử R1 và R2. Dùng để xác định định lượng cholesterol lipoprotein mật độ thấp (nồng độ LDL-C trong mẫu người trên lâm sàng, nó chủ yếu được sử dụng như một phương pháp hỗ trợ chẩn đoán tăng cholesterol máu, bệnh tim mạch vành và xơ vữa động mạch. Độ tuyến tính lên đến 4.00 mmol/L CV 4%, Giới hạn phát hiện 0.20 mmol/L	4,800	ml
13	Hóa chất xét nghiệm Triglycerid	Hóa chất chứa hai thuốc thử R1 và R2. Dùng để xác định định lượng của Triglyceride trong huyết thanh . Độ tuyến tính lên đến 10.00 mmol/L CV ≤ 5%; Giới hạn phát hiện 0.50 mmol/L	4,800	ml
14	Hóa chất xét nghiệm Urê Nitrogen	Hóa chất chứa hai thuốc thử R1 và R2. Dùng để xác định định lượng của Urea trong huyết thanh, huyết tương . Độ tuyến tính lên đến 40.0 mmol/L CV ≤ 5%; Giới hạn phát hiện 0.5 mmol/L	6,000	ml
15	Dung dịch rửa kim hằng ngày máy sinh hóa	Nước rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	4,000	ml
16	Dung dịch rửa máy hằng ngày máy sinh hóa	Nước rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	6,000	ml
17	Bóng đèn sinh hóa	Bóng đèn dùng trên máy sinh hóa tự động	2	Cái

18	Cuvet phản ứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cong phản ứng dùng cho buồng rửa máy xét nghiệm sinh hóa. Tiêu chuẩn chất lượng ISO.	88	Cái
II.2 HUYẾT HỌC ≤ 22 THÔNG SỐ (08 mặt hàng)				
1	Dung dịch bách phân bạch cầu dùng cho máy huyết học	Dung dịch bách phân bạch cầu dùng cho máy huyết học. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	120,000	ml
2	Dung dịch chuẩn 3 mức dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch chuẩn 3 mức dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	135	ml
3	Dung dịch phá HC dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch phá HC dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	120,000	ml
4	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	520,000	ml
5	Dung dịch rửa máy dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch rửa máy dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	2,000	ml
6	Dung dịch ly giải (M-6FD) dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch ly giải (M-6FD) dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	432	ml
7	Dung dịch ly giải (M -6LH) dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch ly giải (M -6LH) dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	13,000	ml
8	Dung dịch ly giải (M-6FN) dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch ly giải (M-6FN) dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	432	ml

Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Tại Khoa Dược Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần T

Thời gian giao hàng dự kiến: 15 ngày kể từ ngày nhận dự trù.

Dự kiến về các khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không có

Các thông tin khác (nếu có).